

VAI TRÒ CỦA PHONG TỤC, TẬP QUÁN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH CAO BẰNG¹

TS. Lương Thị Hạnh
 Trường Đại học Khoa học Thái Nguyên

Tóm tắt: Ở nước ta, phong tục tập quán được hình thành, phát triển từ rất sớm và vô cùng đa dạng. Gắn với mỗi bản làng, mỗi tộc người và địa phương là một hệ thống các phong tục tập quán riêng được tích lũy, chắt lọc qua nhiều thế hệ và trở thành tiêu chuẩn cho hành vi ứng xử của cá nhân trong các quan hệ xã hội. Xã hội hiện nay tuy đã có nhiều thay đổi, song phong tục tập quán xưa vẫn còn thể hiện vai trò ở những mức độ nhất định. Vì thế, trong quá trình xây dựng Nông thôn mới hiện nay, bên cạnh việc thực hiện theo những văn bản pháp luật của Nhà nước, cần quan tâm phát huy và vận dụng một cách linh hoạt các nội dung phù hợp, phát huy những nét đặc thù, và yếu tố tích cực của phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số.

Từ khóa: Phong tục, tập quán, nông thôn mới, dân tộc thiểu số, Cao Bằng.

Ngày nhận bài: 24/7/2019; ngày gửi phản biện: 26/8/2019; ngày duyệt đăng: 13/10/2019

1. Vài nét khái quát về phong tục, tập quán

Khi nói đến phong tục, tập quán thì xưa nay được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Đặc biệt, giữa hai thuật ngữ này lại rất khó phân tách một cách rạch ròi vì giữa chúng luôn có nhiều điểm tương đồng. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, để thống nhất nội dung cũng như cách tiếp cận, chúng tôi sử dụng hai thuật ngữ này một cách song hành, tạo thành thuật ngữ “*phong tục, tập quán*”.

Đến nay, tùy vào cách hiểu và mục đích tiếp cận, đã có nhiều nhà nghiên cứu đưa ra các định nghĩa khác nhau khi bàn về phong tục tập quán. Tác giả Trương Thìn trong cuốn *101 điều cần biết về tín ngưỡng và phong tục* cho rằng: “Phong tục là toàn bộ những hoạt động sống của con người được hình thành trong quá trình lịch sử và ổn định thành nề nếp, được cộng đồng thừa nhận, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác...” (Trương Thìn, 2010, tr. 5). Còn theo Từ điển Tiếng Việt, tập quán là “*những thói quen hình thành từ lâu và đã trở*

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ “*Tác động của phong tục tập quán đến quá trình xây dựng nông thôn mới khu vực miền núi phía Bắc*”. Mã số B2017-TNA-52. Chủ nhiệm đề tài: Lương Thị Hạnh, Cơ quan chủ trì: Đại học Thái Nguyên.

thành nếp trong đời sống xã hội của một cộng đồng dân cư, được mọi người công nhận và làm theo” (Từ điển Tiếng Việt, 2007, tr. 1393). Tác giả Dương Thị Liễu trong *Giáo trình văn hóa kinh doanh* đã lý giải: “Phong tục, tập quán là những hành vi ứng xử, thói quen, nếp sinh hoạt tương đối ổn định của các thành viên trong nhóm xã hội được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác” (Dương Thị Liễu, 2013, tr. 25).

Từ những nhận thức khoa học nêu trên, có thể thấy các thói quen sinh hoạt trong đời sống đã chi phối, ràng buộc hành vi ứng xử của con người, buộc con người phải thích nghi, tuân theo ở mức độ nhất định. Đặc biệt, khi những phong tục tập quán đó phát triển thành luật tục thì nó sẽ quy định những hành vi của từng cá nhân trong cộng đồng. Theo đó, một cá nhân, khi thực hiện các hành vi đi ngược lại với những thuần phong mỹ tục, chắc chắn sẽ bị cộng đồng lên án, xử phạt. Do vậy, luật tục đôi khi có sức mạnh hơn cả những đạo luật trong đời sống của cộng đồng, người Việt Nam có câu “*Phép vua thua lệ làng*” chính là phản ánh thực tế này.

Khi nói đến các giá trị của phong tục tập quán, chúng ta có thể nhận diện giá trị đó bao gồm cả yếu tố tích cực và yếu tố tiêu cực. Tuy nhiên, việc nhận diện chúng lại không dễ bởi cùng một phong tục tập quán, có thể đối với dân tộc này, thời điểm này là tích cực còn với dân tộc kia và thời điểm khác lại là lạc hậu. Dù vậy, phong tục tập quán vẫn luôn được coi là một chuẩn mực ổn định cho hành vi của các thành viên trong cộng đồng. Dựa vào những chuẩn mực này, mỗi cộng đồng đã dùng nó làm công cụ để điều chỉnh hành vi ứng xử của con người trong quan hệ giao tiếp hàng ngày và trong lao động sản xuất, như: khuyến răn, ca ngợi, khuyến khích cái thiện, cái tốt; lên án, phê phán cái ác, cái xấu,...

Một ví dụ điển hình tại tỉnh Cao Bằng là người Dao và người Nùng có phong tục tổ chức sinh nhật² cho ông bà, cha mẹ để tỏ lòng biết ơn công sinh thành, nuôi dưỡng. Từ phong tục này sẽ giáo dục con cháu lòng hiếu thảo, biết quan tâm đến người cao tuổi, điều đó rất phù hợp với Luật pháp Việt Nam đã quy định: Con cái có quyền và nghĩa vụ chăm sóc ông bà, cha mẹ (khoản 2, điều 36, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000). Rõ ràng, đây là một tập quán đẹp và văn minh, là thông điệp nhắc nhở con cháu sống phải có trách nhiệm với bản thân, ông bà, cha mẹ và gia đình. Trong quá trình xây dựng Nông thôn mới, phong tục này cũng được người dân phát huy rất hiệu quả.

Tuy nhiên, cùng với thời gian, một số phong tục tập quán không còn phù hợp với xã hội hiện tại như: tào hôn, cưỡng hôn, hôn nhân cận huyết thống, bắt vợ, phạt vợ khi vợ chồng ly hôn,... Đây là những tập quán thể hiện sự bất bình đẳng về giới và quyền tự do, tự nguyện của các cá nhân theo quy định của Bộ Luật dân sự năm 2015. Ở huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, theo thống kê chưa đầy đủ trong 3 năm gần đây (2015 - 2017), mỗi năm có từ 20 - 30 cặp tào hôn. Ông Ma Khương Duy - Trưởng Phòng Dân tộc huyện cho biết: “Thực tế ở các

² Ngày nay, việc tổ chức sinh nhật không chỉ diễn ra trong gia đình mà đã mở rộng thành lễ chúc thọ có tính chính quyền trong phạm vi thôn bản.

xóm/bản, con số còn nhiều hơn, đặc biệt là ở những thôn có đồng bào dân tộc Hmông, Dao sinh sống. Hệ lụy của nạn tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống là làm giảm chất lượng dân số, chất lượng giống nòi, cản trở quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đẩy người dân vào vòng đời nghèo, kéo theo nhiều hệ lụy khác như bệnh tật, tệ nạn xã hội,..." (Minh Tuấn, 2018).

Tác giả Phan Kế Bình khi nghiên cứu về phong tục tập quán của Việt Nam đã viết: "Ta ngoài lại mà xem những tục cũ thì tỏ ra nhiều điều ngày trước là hay mà bây giờ hóa ra bù bực lắm rồi,... đó không phải là tổ tiên ta khi trước có vụng dại gì, chỉ là thời thế mỗi lúc một khác, mà mỗi lần biến cái thì cái trình độ khai hóa lại tấn tới thêm lên một tầng. Ấy cũng là cái lẽ tự nhiên của tạo hóa như thế" (Phan Kế Bình, 2014, tr. 7). Như vậy là, không phải mọi phong tục tập quán đều có thể tồn tại mãi mãi và phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của các giai đoạn lịch sử. Nhà nghiên cứu Phan Kế Bình trong lời "Tựa" cuốn "*Việt Nam phong tục*" cũng đã khẳng định: "Đại thể tục gì cũng vậy, phải trải lâu tháng lâu năm mới thành được, mà trong những tục ấy cũng có tục hay, cũng có tục dở" (Phan Kế Bình, 2014, tr. 7). Tục hay sẽ đóng vai trò tích cực trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội, xây dựng tình đoàn kết trong cộng đồng dân cư, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của vùng miền núi thì cần phát huy. Tục dở (lỗi thời) sẽ kìm hãm khả năng tiếp cận những tiến bộ của khoa học kỹ thuật; cản trở sự phát triển kinh tế, cản trở nhiệm vụ xóa đói giảm nghèo, do vậy cần có biện pháp loại bỏ, cấm áp dụng. Thực tế cho thấy, những tục dở hiện nay đều trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam hiện hành, như xưa kia tục "bắt vợ" là một nét đẹp độc đáo trong đời sống văn hóa của người Hmông, thế nhưng hiện nay tục này đã biến tướng thành hủ tục, khiến nhiều bé gái mới học cấp Trung học cơ sở đã bị bắt làm vợ.

2. Vai trò của phong tục, tập quán trong xây dựng Nông thôn mới

Ngày nay, pháp luật được xác định là công cụ quan trọng nhất trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội. Song, trong chừng mực nhất định, phong tục, tập quán với những đặc trưng riêng luôn là nguồn bổ sung, đôi khi ở một số lĩnh vực có thể điều chỉnh các quan hệ xã hội, nhất là những quan hệ phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của một cộng đồng dân cư nhất định.

2.1. Phong tục, tập quán trong sự tương trợ giúp đỡ nhau cùng phát triển

Đến nay, tập quán tương trợ giúp đỡ nhau (tương thân, tương ái) vẫn giữ một vai trò đáng kể trong đời sống xã hội các dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Cao Bằng

Vào mùa vụ, để công đoạn trồng trọt trên ruộng, nương được diễn ra kịp với diễn biến thời tiết, tránh cưa, ốc cắn phá lúa non, hạn chế đàn chuột và chim phá hoại, các hộ trong thôn/bản đã đôi công cho nhau hoặc vẫn công ở một số công đoạn. Đối với ruộng lúa nước, người dân đôi công ở những công đoạn cày, bừa, nhổ mạ, cấy, gặt; với nương lúa, tập quán vẫn công có thể từ khâu dọn nương, đến tra hạt và thu hái. Việc làm này vừa tạo thêm sự gắn

kết các thành viên trong cộng đồng và đem lại hiệu quả cao trong lao động sản xuất, vừa đáp ứng kịp thời vụ.

Trường hợp gia đình trong bản có người thân qua đời đúng vào mùa vụ, trường thôn sẽ cắt cử người đến cây, bừa, nhổ mạ, cấy, gặt... giúp gia đình tang chủ. Ngoài ra, mọi người còn phải tham gia các công việc của nhà đám theo sự phân công của trường thôn³, gồm các tổ: tổ đi lấy củi, lấy lá dong, hái măng.. (chủ yếu phụ nữ); tổ vào rừng chặt cây để chằng chống nhà cửa, làm nhà táng, làm cang khiêng áo quan (chủ yếu đàn ông); tổ làm bếp, đi chợ, mượn bát đũa, ấm chén... (tổ này do trường thôn lựa chọn). Trước kia còn có nhóm cắt khâu quần áo tang cho con cháu người quá cố và phần lớn là phụ nữ lớn tuổi. Hiện nay, quần áo tang có thể mua sẵn ở chợ nên nhóm người này có thể chuyển sang giúp đỡ, hỗ trợ chủ nhà những công việc khác. Dù đảm nhận vị trí công việc nào thì mỗi cá nhân đều rất có trách nhiệm và coi như công việc của nhà mình.

Mặc dù kinh tế hàng hóa và quan hệ theo cơ chế thị trường đã xâm nhập đến các thôn/bản, song tập quán giúp đỡ nhau lúc khó khăn vẫn được đồng bào lưu giữ. Theo chúng tôi, đây là một tập tục đẹp cần được phát huy, vì nó là cội nguồn của sự gắn kết để tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đặc biệt với một tình biên giới như Cao Bằng, thì đoàn kết không chỉ nhằm hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, mà còn nhằm bảo vệ từng tấc đất biên cương phía Bắc của tổ quốc.

Từ những công việc có trong kế hoạch như làm nhà mới, cưới hỏi, lễ cầu an, cầu phúc..., đến những việc đột xuất như tang ma, bên cạnh giúp những công việc trong đám, đồng bào còn hỗ trợ nhau cả vật chất và tinh thần, mà tiếng Tây - Nùng gọi là *pang*, nghĩa là sự trợ giúp giống như ký gửi không lãi suất. Các hiện vật để giúp khá đa dạng, thường là gạo, rượu, lợn, gà... tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng của gia đình có đám (người nhận). Giữa người giúp và người nhận tuy không có văn bản ký kết bằng giấy, song vẫn có thỏa thuận bằng miệng về thời gian hoàn trả, có thể từ vài tháng, một năm cho đến vài năm, nghĩa là khi nào người giúp có yêu cầu thì người nhận sẽ trả lại. Do đó, tất cả các đồ *pang* đều được bên gia đình người nhận ghi chép cẩn thận (chủ yếu viết lên cột nhà, xà nhà hoặc tấm ván bung gần gian thờ, nơi con trẻ không với tới), để sau này con cháu người nhận *pang* có trách nhiệm trả lại đúng bằng số lượng đã nhận.

Có thể nói, khi đời sống kinh tế của đồng bào còn gặp nhiều khó khăn, tục *pang* đã giúp người dân miền núi Cao Bằng vượt qua những biến cố của cuộc sống. Vì vậy, theo chúng tôi, *pang* là một tập quán tốt đẹp, rất phù hợp với chính sách “*là lành đùm lá rách*” mà Nhà nước ta đang khuyến khích thực hiện trong nhiều năm qua. Do vậy, tục *pang* cần được coi trọng và nên được áp dụng vào việc giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, góp phần cùng cố

³ Trước đây, phụ trách việc liên quan đến tang ma chủ yếu do phường hội, có nơi gọi là phường phe thực hiện, trường thôn giữ vai trò như trường thôn hiện nay.

khối đại đoàn kết trong cộng đồng, nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình yên nơi thôn bản. Đó cũng chính là mục đích mà tiêu chí xây dựng Nông thôn mới hướng đến và phải hoàn thành.

2.2. Phong tục, tập quán trong giáo dục đạo đức, hành vi ứng xử các quan hệ xã hội

Một trong những phong tục ấn tượng, thể hiện nét riêng, đó là tục tổ chức sinh nhật cho bố mẹ, ông bà mà tiếng Nùng gọi là *văn sinh*. Không rõ lễ sinh nhật chính xác có từ bao giờ, nhưng được lưu truyền từ đời này sang đời khác và tồn tại cho đến ngày nay. Tùy từng địa phương, việc tổ chức sinh nhật có thể thực hiện khi người đó có cháu nội hay cháu ngoại, nghĩa là lên chức ông, chức bà⁴; cũng có nơi quy định người được tổ chức sinh nhật phải từ 60 tuổi trở lên. Đồng bào không làm giỗ cho người đã khuất, mà chỉ làm lễ sinh nhật mừng thọ khi ông bà, cha mẹ còn sống. Lễ sinh nhật được thực hiện đều đặn mỗi năm một lần đúng vào ngày sinh của người đó và duy trì cho đến khi người đó khuất núi về với tiên tổ. Đây là dịp con cháu tề tựu đông đủ, thể hiện sự kính trọng báo hiếu, quan tâm không chỉ chăm sóc về mặt thể chất, mà còn quan tâm tới yếu tố tinh thần để người già vui khỏe, ít bệnh tật,...

Theo đó, những người con trai ra ở riêng sẽ lần lượt làm lễ sinh nhật cho bố mẹ, còn các con gái đã đi lấy chồng ít nhất phải đem lợn quay, gà thiến, quả bánh... về làm sinh nhật cho bố mẹ một lần trong đời. Ở một số vùng, người Nùng quan niệm nếu thọ được 60 tuổi tức là hết một vòng đời người và muốn sống tiếp vòng đời thứ hai thì phải làm lễ sinh nhật, vì thế khi tổ chức sinh nhật không thể thiếu lễ thức *Pù lương - Bù lương*, nghĩa là bổ sung thêm lương thực và nói số mệnh để bố mẹ sẽ sống khỏe mạnh, sống lâu, hưởng phúc lộc với con cháu.

Trong lễ sinh nhật, các gia đình thường mời bà Then về làm lễ hát kết hợp múa phụ họa để cung thỉnh với tổ tiên rằng hôm nay sinh nhật một thành viên trong nhà, mời tổ tiên về ăn cỗ. Năm đầu tiên tổ chức lễ mừng sinh nhật cho ai đó sẽ mời đông khách nhất, gồm họ hàng thân thích, hàng xóm láng giềng,... Khách tham dự lần lượt tới chào và chúc những lời tốt đẹp, kèm theo quà, thường là cân gạo, con gà, tấm áo, chiếc khăn, đôi hài... tùy hoàn cảnh kinh tế của gia đình mà chọn quà tặng phù hợp. Những năm tiếp theo tổ chức nhỏ hơn, nếu không có điều kiện thì không mời khách nhưng vẫn làm cỗ liên hoan trong gia đình để người già được vui.

Có thể nói, lễ mừng sinh nhật rất có giá trị về tinh thần, ngoài việc thắt chặt tình đoàn kết, cùng nhau chia ngọt sẻ bùi, là dịp con cháu khắc ghi công ơn người sinh thành, dưỡng dục, thì nội dung của những bài cúng do các bà Then thực hiện còn ẩn chứa những giá trị nhân văn sâu sắc về phận con cái, đạo làm người. Vì thế, thông qua việc tổ chức sinh nhật cho người cao tuổi để giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ là việc làm thật sự cần thiết.

⁴ Trường hợp không có con trai, thì con gái và con rể phải đứng ra tổ chức sinh nhật cho bố mẹ vợ. Người không có con cái thường không tổ chức, hoặc nếu có thì 5 năm tổ chức một lần. Đây là điểm khác biệt giữa người có con và người không con.

Những năm gần đây, ngoài việc tổ chức tại gia đình, trong lễ sinh nhật còn có các hội, đại diện chính quyền địa phương tham gia chúc mừng, gọi là lễ mừng thọ, vừa kế thừa tục lễ xưa, vừa thể hiện được sự quan tâm của cộng đồng và các tổ chức đoàn thể xã hội đối với người cao tuổi, góp phần hoàn thành tiêu chí xây dựng Nông thôn mới.

2.3. Phong tục, tập quán trong bảo vệ nguồn tài nguyên rừng

Phong tục tập quán với tư cách là một loại quy phạm xã hội đặc thù, ngoài chức năng điều chỉnh hành vi ứng xử của con người với nhau, còn là công cụ điều chỉnh hữu hiệu các hoạt động quản lý tài nguyên đất đai, rừng, nguồn nước,... Trên cơ sở nhận thức sự gắn bó mật thiết với thiên nhiên và sự tác động trở lại của thiên nhiên đối với đời sống con người, đã hình thành một quan niệm trong dân gian ở các dân tộc tỉnh Cao Bằng là đất đai, rừng núi, sông suối, cây cối... đều chứa đựng những linh hồn do các vị thần cai quản. Khi con người có nhu cầu sử dụng phải xâm phạm tới tự nhiên thì đều phải có lời cầu xin. Thậm chí, trường hợp hoàn toàn không có sự xâm phạm tới đó, nhưng vì quy định nghiêm ngặt của tập tục con người vẫn phải thực hiện một số nghi lễ cầu cúng từ đầu năm mới, chẳng hạn như lễ cúng rừng. Điều này cho thấy, con người đã biết lợi dụng các lực lượng siêu nhiên để bảo vệ nguồn tài nguyên tại cộng đồng đang sinh sống.

Rõ ràng, ngoài pháp luật của Nhà nước, để hoạt động quản lý tài nguyên có hiệu quả, cần có sự kết hợp với phong tục. Bởi vì, trong điều kiện các dân tộc thiểu số vốn phát triển không đồng đều, những quy phạm pháp luật không phải khi nào và ở đâu cũng hoàn toàn phù hợp với các vùng miền, các cộng đồng dân cư khác nhau. Nói cách khác, Nhà nước không thể nào “luật hóa” được mọi lĩnh vực, mọi ngõ ngách của đời sống xã hội, bởi trong thực tiễn luôn có những tình huống mà pháp luật thành văn khó điều chỉnh. Do vậy, mỗi một cộng đồng tộc người, mỗi làng bản, luôn cần đến các quy định cụ thể, gần gũi, dễ hiểu, dễ thực hiện cho mọi thành viên trong làng bản (Nguyễn Thị Tuyết Mai, 2014). Từ thực tế trên, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương kế thừa và phát huy những phong tục tập quán tốt đẹp cho việc quản lý cộng đồng, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Trước đây, mỗi tộc người đều có những phương thức quản lý rừng, với các quy định rất chặt chẽ, đặc biệt đối với rừng thiêng. Chẳng hạn như về mặt tâm linh, được cho là do một thế lực “vô hình” - thần linh cai quản và sở hữu. Sau đó, tùy theo phong tục tập quán của mỗi dân tộc, thần linh lại ủy quyền cho đội ngũ chức sắc của bản làng, có dân tộc giao thầy cúng thay mặt thần linh cai quản các khu rừng thiêng, nhưng cũng có dân tộc do trưởng họ hay già làng cai quản. Ngày nay, những khu rừng thiêng đều do cộng đồng quản lý, song mọi việc liên quan đến tín ngưỡng về rừng vẫn do thầy cúng đảm nhiệm. Ai tự tiện vào rừng cắt đẽ chặt cây sẽ bị phạt bằng tiền, ngô hoặc thóc nộp vào quỹ của thôn/bản. Với cách thức bảo vệ rừng như vậy, trong một thời gian dài các dân tộc thiểu số đã bảo vệ được những cánh rừng luôn xanh tươi.

Thời kỳ tái thiết đất nước và phục vụ kháng chiến (1955 - 1975), Nhà nước khi đó chú trọng vào khai thác mà coi nhẹ việc bảo vệ, làm cho nguồn tài nguyên rừng trở nên cạn kiệt. Bước sang thời kỳ Đổi mới, các phương thức quản lý trước đây đã thay đổi hoặc bị mất đi vì không còn phù hợp với quan hệ sản xuất mới. Vì thế, các khu rừng cộng đồng hiện nay chủ yếu do dân cư thôn/bản tự quản lý.

Từ thực trạng và yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng cao trong thời kỳ Đổi mới, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã ra Quyết định số 69/CT ngày 4/3/1992 về lập chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng cao phía Bắc, gọi tắt là “Chương trình tổng thể vùng cao” với nhiều chương trình cụ thể, trong đó giao đất, giao rừng là một trong những chính sách trọng tâm của Nhà nước, với mục tiêu tất cả các khu đất, mỗi cánh rừng, mỗi quả đồi đều có người làm chủ, nhằm nâng cao chất lượng rừng, tăng độ che phủ rừng và góp phần xóa đói giảm nghèo vùng cao. Theo đó, đất lâm nghiệp được giao khoán, hay còn gọi là khoán đất rừng sản xuất cho các hộ gia đình và cá nhân với nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa bảo vệ, Nhà nước chỉ đóng vai trò tạo khung pháp lý điều chỉnh mối quan hệ và hành vi giữa bên giao khoán và bên nhận khoán.

Có thể nói, chính sách giao đất rừng lâu dài cho hộ gia đình đã phát huy được hiệu quả trong sử dụng đất đai và bảo vệ rừng, nhiều hộ gia đình đã thực hiện các hoạt động đầu tư trồng rừng, khoanh nuôi rừng, từng bước hình thành vùng cây công nghiệp, cây ăn quả, được liệu sản phẩm hàng hóa có giá trị, góp phần nâng cao thu nhập cho hộ, đồng thời trực tiếp làm tăng độ che phủ của rừng. Mặc dù Luật Bảo vệ và Phát triển rừng của Nhà nước đã được ban hành, song đồng bào vẫn vận dụng những quy định của tập quán để giữ gìn, bảo vệ đất đai, bằng cách ở những đồi trồng cam trồng xen dưới tán là cây vừng, lạc, bầu, bí; đồi trồng đu đủ xen dưới tán là những loại cây ngô, khoai lang,... Khi làm cỏ cho các đồi cây, cỏ được rải đều dưới gốc để giữ ẩm cho đất, xếp đá hoặc làm rào chắn dưới dạng bậc thang nhằm giữ đất rừng khỏi bị rửa trôi.

Ranh giới đất rừng giữa các hộ gia đình được phân định khá rõ ràng: khe suối, gốc cây to, tảng đá lớn... đều có thể trở thành mốc giới. Trường hợp một quả đồi được giao cho hai hộ quản lý, thì từ trên đỉnh đồi xuống dưới chân đồi sẽ đào một con mương nhỏ làm ranh giới chia đôi, hoặc thay bằng đào mương có thể phát một đường rộng khoảng 1m từ trên đỉnh xuống chân đồi làm mốc. Đất thuộc phạm vi quản lý của hộ nào, chỉ hộ đó được phép trồng trọt, dựng nhà, thu hái lâm thổ sản⁵,... Tuy nhiên, dù áp dụng quy định của tập quán thì sự sừ hữu cũng không tách rời các nguyên tắc cơ bản của pháp luật. Vì pháp luật là công cụ quan trọng nhất trong việc đảm bảo cho xã hội tồn tại và phát triển công bằng, mọi hoạt động

⁵ Khi trong bản có đám cưới hay vào nhà mới, đám ma..., chỉ cần chủ nhà có đám nói lời thì chủ vườn sẵn sàng vào vườn rừng của mình hái măng, chặt cây lấy củi giúp nhà có đám, trên tinh thần sau này khi mình cần người ta sẽ giúp lại.

của các cá nhân, gia đình, cộng đồng trong xã hội ngoài việc tuân thủ tập quán, còn phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

Một vài nhận xét

Phong tục tập quán là sản phẩm của quá trình tích lũy, chắt lọc từ những kinh nghiệm của cuộc sống hàng ngàn năm của mỗi dân tộc. Vì thế, nó rất gần gũi với lối sống của đồng bào và trở thành công cụ đắc lực trong việc điều chỉnh hành vi ứng xử của các cá nhân, đặc biệt là hành vi đạo đức, từ đó giúp mỗi người có ý thức, hành vi tốt hơn phù hợp với những chuẩn mực truyền thống của nông thôn miền núi.

Bên cạnh những phong tục tập quán tiến bộ đóng vai trò tích cực, góp phần hoàn thành các tiêu chí mà Chương trình xây dựng Nông thôn mới đề ra, một số tập quán không còn phù hợp, đang bộc lộ những nhược điểm như tục cướp vợ, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống... gây ra rào cản cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng miền núi tỉnh Cao Bằng nói riêng và Việt Nam nói chung. Vì vậy, những phong tục, tập quán được vận dụng phải được nhận diện rõ ràng, không trái với đạo đức xã hội và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Những phong tục tập quán lỗi thời tuy chiếm tỷ lệ nhỏ trong đời sống của mỗi tộc người, song lại tiềm ẩn nguy cơ dễ bị kẻ xấu lợi dụng gây kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh xã hội, đặc biệt với một tỉnh miền núi biên giới như Cao Bằng. Bởi vậy, việc xóa bỏ tập quán không còn phù hợp đối với gia đình, cộng đồng xã hội là cần thiết, song phải tìm giải pháp từ hạn chế, rồi đến loại bỏ dần chứ không thể dùng pháp luật Nhà nước, mệnh lệnh hành chính để bắt buộc người dân phải xóa bỏ ngay lập tức.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chỉ đạo các Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới tỉnh Cao Bằng (2015), *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2011 - 2015*, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.
2. Phan Kế Bình (2014), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
3. Dương Thị Liễu (2013), *Giáo trình văn hóa kinh doanh*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Tuyết Mai (2014), *Áp dụng tập quán trong giải quyết các vụ tranh chấp dân sự của Tòa án nhân dân ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
5. Trương Thìn (2010), *101 điều cần biết về tín ngưỡng và phong tục*, Nxb. Thời Đại, Hà Nội.
6. *Từ điển Tiếng Việt* (2007), Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học, Hà Nội.
7. Minh Tuấn (2018), *Nỗi lo tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở Cao Bằng*, trên trang <https://www.nhandan.com.vn> (truy cập ngày 08/10/2018).